

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 87/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2023
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bá Lý

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhó - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc *tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ái T, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: 13x Thống N, tổ X, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 13x Thống N, tổ x, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2023, bản tự khai, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ái T trình bày:

*** Về quan hệ hôn nhân:**

Tôi và anh Nguyễn Văn L tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến hôn nhân đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào năm 2006. Ngay từ đầu thời kỳ hôn nhân, trong quá trình chung sống vợ chồng đã không có hạnh phúc, anh L thường xuyên ăn chơi không quan tâm đến gia đình, bỏ bê vợ con, mọi gánh nặng trong gia đình đều do một mình tôi gánh vác. Anh L còn nhiều lần đánh đập, chửi mắng và đuổi tôi ra khỏi nhà. Nay tôi nhận thấy giữa

hai vợ chồng không có hạnh phúc, cuộc sống không thể kéo dài nên tôi đề nghị được ly hôn với anh L. Bản thân tôi hiện nay không thể quay về lại với nhau, vì sức chịu đựng của tôi đã vượt qua giới hạn.

* Về con chung: Trong quá trình chung sống, tôi và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 17/10/2011 và cháu Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 05/6/2008. Ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng/01 con (02 con là 3.000.000 đồng/tháng).

* Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí ly hôn, tôi tự nguyện chịu toàn bộ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai tại hồ sơ trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa tôi và chị Nguyễn Thị Ái T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và quyết định chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào năm 2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do công việc của tôi lương thấp nên cũng không có tiền để lo cho vợ con, kinh tế gia đình do vợ tôi gánh vác. Cách đây 10 năm tôi cũng có đánh đập chị T nhưng nay thì không đánh nữa nhưng thỉnh thoảng cũng có chửi bới. Nay chị T yêu cầu ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý ly hôn vì tôi nhận thấy vẫn còn yêu thương vợ và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng chúng tôi đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Tôi mong muốn vợ chồng quay lại để chăm lo cho các con, tôi biết mình có nhiều lỗi, muốn vợ bỏ qua, tôi sẽ cố gắng khắc phục bản thân để vợ không buồn và tha thứ. Nếu phải ly hôn tôi cũng đồng ý ly hôn nhưng tôi xin được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay tôi đang làm kế toán cho doanh nghiệp tư nhân, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

* Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 17/10/2011 và cháu Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 05/6/2008. Nếu ly hôn tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được nuôi 02 con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

* Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo các thủ tục, trình tự tố tụng mà pháp luật quy định về việc thụ lý vụ

án, chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, có đủ cơ sở để giải quyết vụ án. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn đã không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị T được ly hôn với anh L. Giao cháu P và cháu T1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh L cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng 3.000.000đ, kể từ khi bản án có hiệu lực. Buộc chị T phải chịu án phí ly hôn và anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Ái T tự do đăng ký kết hôn vào năm 2006, tại Ủy ban nhân dân phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau. Quan hệ giữa chị T và anh L được đăng ký theo đúng trình tự, thủ tục và đúng cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm những trường hợp cấm kết hôn nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Nay chị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh L và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng anh L vắng mặt không có lý do, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không nghiêm túc, không chấp hành đầy đủ pháp luật, từ bỏ quyền tự bảo vệ mình. Tại phiên tòa lần thứ hai hôm nay anh L tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử, giải quyết vụ án vắng mặt anh L theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh L. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi đăng ký kết hôn và về chung sống với nhau thì hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đánh đập, bất đồng quan điểm. Nay chị T kiên quyết xin ly hôn với anh L, nhưng anh L không muốn ly hôn, mong được đoàn tụ gia đình. Chị T xác định cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã trầm trọng, chị T không còn tình cảm gì với anh L, vợ chồng đã ly thân với nhau và cũng không quan tâm gì đối với anh L; anh L tự thừa nhận hai vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L. Anh L mong vợ chồng đoàn tụ, nhưng không đến tham gia phiên tòa để thể hiện mong muốn và thiện chí, là dấu hiệu bỏ mặc không quan tâm đến cuộc hôn nhân của vợ chồng. Xét thấy hai vợ chồng không có cuộc sống chung, không có trách nhiệm chung từ hai bên và không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên không còn tình nghĩa vợ chồng, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó có cơ sở xác định mâu thuẫn

giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị T được ly hôn với anh L là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ái T và anh Nguyễn Văn L có hai con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 17/10/2011 và cháu Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 05/6/2008 (Cả hai con có nguyện vọng sống với mẹ). Chị T và anh L đều đề nghị được nuôi cả hai con chung. HĐXX xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ, là nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của vợ, chồng, nhưng căn cứ quyền lợi mọi mặt và đảm bảo con được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển tốt nhất cả về thể chất và trí tuệ, phù hợp với thực tế chị T đang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và phù hợp với nguyện vọng của các con; nên HĐXX xét thấy cần thiết giao cháu P và cháu T1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng cho hai con. HĐXX xét thấy sau khi ly hôn việc nuôi dưỡng, giáo dục con vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ, xét nhu cầu sinh hoạt thực tế, chi phí nuôi dạy con cái, thu nhập của hai vợ chồng, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T với anh L.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và không đề cập đến trong phần quyết định.

[6] Về tiền án phí: Chị Nguyễn Thị Ái T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và anh Nguyễn Văn L phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 70, 91, 227, 228, 235, 238, 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ái T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ái T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung:

Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Ái T có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 05/6/2008 và cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 17/10/2011 (Cả hai cháu có nguyện vọng sống với mẹ).

Giao cháu P và cháu T1 cho chị Nguyễn Thị Ái T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Buộc anh Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị Ái T để nuôi cháu T1 và cháu P mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), mỗi cháu 1.500.000đ, kể từ ngày 28/8/2023 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 24, 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chị Nguyễn Thị Ái T phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000288, ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm

Anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sung quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.P;
- Các đương sự;
- THA DS TP.P (Để thi hành);
- UBND phường Ia K, thành phố P,
- Tỉnh Gia Lai (số 11, quyền số 02, ngày 19/12/2006);
- Lưu.

Hoàng Văn Tiến